

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 21 - 5 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Quang và ông Nguyễn Thanh Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa và ông Nguyễn Văn Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Trực và ông Ngô Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/HSST ngày 22/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 22/4/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Kim L (tên gọi khác: U); sinh ngày 13 tháng 9 năm 1980 tại huyện Đ, Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án về tội "Cố ý gây thương tích" chưa được xóa án tích, theo bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2013/HSST ngày 25/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (phần dân sự chưa thi hành); Con ông Trần H và con bà Lê Thị M; Chồng: Nguyễn Kim Bân C, con: có 04 con chung, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2006. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 30/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị C** (tên gọi khác: K); sinh ngày 04 tháng 9 năm 1978, tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn C, con bà Nguyễn Thị T (chết); có chồng Trương Thái P, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2001. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 30/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Hoàng Thị P** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 12 tháng 01 năm 1985 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Hoàng C (chết), con bà Mai Thị H; Có chồng Huỳnh Văn T, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 30/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thúy A** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 20 tháng 02 năm 1993, tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn C và con bà Trần Thị L; Có chồng Nguyễn Duy H; có 01 con, sinh năm 2015. Bắt tạm giữ từ ngày 03/9/2018 đến ngày 12/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Thị H** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 02 tháng 04 năm 1963 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Trần Đ, con bà Lê Thị T; Có chồng Lê Hoài T; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001. Bắt tạm giữ từ ngày 03/9/2018 đến ngày 12/9/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim H** (tên gọi khác: H Cao, H Ba Cao); sinh ngày 15 tháng 04 năm 1982 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT: Khôi C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn N (chết), con bà Trần Thị B (chết); Có chồng Nguyễn Thiếu N; có 02 con, sinh năm 2007 (sinh đôi). Ngày 19/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Cao Minh T** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 29 tháng 9 năm 1985 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Cao Minh C, con bà Nguyễn Thị D; Có vợ Phạm Thị An N, có 01 con sinh năm 2012. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 05/04/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Thị N** (tên gọi khác: H); sinh ngày 05 tháng 02 năm 1979 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, con bà Mai Thị H; Chồng: không có; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 30/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Huỳnh T** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 27 tháng 9 năm 1982 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Huỳnh Nhật C, con bà Lê Thị H; có vợ Trần Thị Như Y, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 05/04/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Phạm Thị L (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 8 năm 1976 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Phạm T (chết), con bà Nguyễn Thị B; có chồng Nguyễn M, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013. Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 30/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Trần Thị T (tên gọi khác: Không); sinh ngày 02 tháng 10 năm 1960 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Trần G (chết), con bà Nguyễn Thị N (chết); chồng: Không có, có 01 con sinh năm 2006. Ngày 02/01/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10 tháng 05 năm 1967 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn T (chết), con bà Nguyễn Thị N (chết); có chồng Nguyễn Phát K, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1997. Ngày 12/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Huỳnh Thị B (tên gọi khác: Không); sinh ngày 17 tháng 12 năm 1969 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Huỳnh Đ và con bà Võ Thị Đ (chết); có chồng Bùi Tấn Đ, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001. Ngày 12/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: **Nguyễn Thị S** (tên gọi khác: M); sinh ngày 10 tháng 01 năm 1969 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn M (chết), con bà Lê Thị N (chết); Có chồng Nguyễn C, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2002. Ngày 12/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: **Trần Thị N** (tên gọi khác: Không; sinh ngày 8 tháng 03 năm 1967 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Trần Đ, con bà Lê Thị T (chết); Có chồng Huỳnh Văn V, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2009. Ngày 12/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Cao Minh T, Hoàng Thị P, Huỳnh T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thúy A, Phạm Thị L, Trần Thị H, Trần Thị Kim L có luật sư Trần Thanh T và Trần Đăng K – Văn phòng luật sư Thanh T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận

Địa chỉ: Số A, đường Huỳnh P, KP B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
Có mặt

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T** có bà Hồng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số M Phan Đình P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Mai Thị T – sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

2. Anh Võ Văn B – sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

3. Bà Trần Thị G – sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

4. Anh Lê Tấn V – sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

5. Bà Võ Thị Lưu V – sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

6. Ông Võ Văn T – sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

7. Ông Phạm Tấn K – sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

8. Mai Thị S – sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

9. Bà Đặng Thị Thu H – sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

10. Chị Nguyễn Thị Lệ T – sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

11. Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

12. Ông Nguyễn Bá P – sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

13. Chị Phạm Thị Huyền T – sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

14. Chị Võ Thị Kim T – sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

15. Anh Lê Anh N – sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

16. Chị Trần Thị Mỹ D – sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

17. Chị Thái Thị Thuần H – sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

18. Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

19. Bà Đinh Thị Đ – sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

20. Anh Huỳnh Thanh V – sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn B1, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

21. Chị Trần Thị Mỹ D – sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

22. Ông Nguyễn Thanh B – sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

23. Chị Phạm Thị T – sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

24. Bà Trần Thị Đ – sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

25. Ông Phạm Ngọc L – sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

26. Bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1956

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

27. Anh Huỳnh Tấn V – sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

28. Anh Trương T – sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ A, phường M, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

29. Anh Võ Duy Q – sinh năm 1992

Nơi cư trú: A, xã L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người làm chứng:

1. Anh Huỳnh Trọng T – sinh năm 1986. Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ F – K, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Anh Nguyễn Văn M – sinh năm 1983. Vắng mặt

Nơi cư trú: H, V, thị xã U, tỉnh Bình Dương

3. Ông Huỳnh Minh C – sinh năm 1976. Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

4. Anh Hồ Đình P – sinh năm 1992. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

5. Bà Lê Thị Đ- sinh năm 1964. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

6. Ông Nguyễn L – sinh năm 1977. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

7. Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1967. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/9/2018, có khoảng 500 người dân ở xã T tập trung tại khu vực ngã 3 đường tránh Tây QL1A, ngay đường lên Nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt huyện Đ thuộc thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi để xem văn nghệ do chính nhân dân tự tổ chức. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì có tin đồn Nhà máy xử lý rác thải tiếp tục hoạt động trở lại. Do đó, một số người tập trung đến nhà của ông Nguyễn Duy T - Chủ tịch UBND xã T yêu cầu ông T lên Nhà máy nhưng không gặp được ông T. Sau đó có khoảng 150 người tập trung trước cổng UBND xã T la hét, yêu cầu chính quyền địa phương đến Nhà máy xử lý rác thải để kiểm tra, lập biên bản về việc Nhà máy hoạt động trở lại. Khoảng 22 giờ 00 phút, ông Lê Văn T - Bí thư Đảng ủy xã T cùng khoảng 80 người, trong đó có Hoàng Thị P, Nguyễn Thị C, Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim H, cùng trú tại: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nguyễn Thị Thúy A, trú tại: thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đi đến Nhà máy nhưng bảo vệ Nhà máy không mở cửa, nên người dân tự mở cổng phía Tây đi vào khu vực bãi rác cũ và cho rằng Nhà máy lén hoạt động, chôn lấp rác để che giấu sai phạm, yêu cầu chính quyền địa phương lập biên bản, tuy nhiên ông T không lập biên bản.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02 tháng 9 năm 2018, nhiều người dân bắt đầu ra chặn xe tại Quốc lộ 1A thuộc thôn L, xã T (tại vị trí trước cổng Công an xã T), sau đó người dân kéo đến ngày càng đông (khoảng trên 200 người), trong đó có Trần Thị Kim L, Trần Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Trần Thị N, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Kim H, Trần Thị T, Huỳnh T, Nguyễn Thị Thúy A, Cao Minh T đã thực hiện các hành vi như: Dem chiếu ra trải giữa lòng đường QL1A; mang loa karaoke di động mở nhạc và ca hát, nhảy múa, hò hét; mang đồ ăn, thức uống để trong lòng đường QL1A và ngồi trong lòng đường QL1A, chặn xe không cho xe lưu thông, khi lực lượng Công an đến làm nhiệm vụ thì có hành vi xô đẩy la hét cản trở lực lượng chức năng đến làm nhiệm vụ. Đến 23 giờ 30 phút thì các phương tiện giao thông không thể qua lại khu vực này, gây ách tắc giao thông. Cùng thời điểm trên, tại tuyến tránh Tây QL1A (khu vực ngã

ba Trụ Bô đường lên Nhà máy), khoảng 30 người dân cũng mang các vật cản ra chặn xe, làm tắc nghẽn giao thông tại khu vực này.

Sau khi Lực lượng Công an được triển khai đến hiện trường, đã tiến hành giải thích, vận động, yêu cầu số người trên chấp hành quy định của pháp luật, giải tán nhưng số người trên không chấp hành mà vẫn tiếp tục chặn xe trên QL1A. Đến 02 giờ 00 phút, ngày 03/9/2018. Lực lượng Công an huyện đã phối hợp cùng các đơn vị liên quan cưỡng chế, đưa một số đối tượng về trụ sở Công an huyện để làm việc. Sau đó một số người dân trong đó có Huỳnh T tiếp tục di chuyển, tụ tập, chặn xe tuyến QL1A đoạn tại khu vực ngã 3 Hậu Cần (cách trụ sở Công an xã khoảng 700m về hướng Nam) gây ách tắc giao thông nghiêm trọng, khi lực lượng chức năng làm nhiệm vụ thì Huỳnh T đã có hành vi dùng thau nhôm đánh vào đầu gây thương nhẹ cho anh Huỳnh Tấn V và một số người dân trong đó có các bị cáo gây thương tích nhẹ cho anh Trương T và anh Võ Duy Q cán bộ, chiến sĩ của lực lượng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Quảng Ngãi đang làm nhiệm vụ.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị Kim L, Trần Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Phạm Thị L, Huỳnh T, Nguyễn Thị Thúy A, Cao Minh T về hành vi gây rối trật tự công cộng. Lập biên bản vi phạm hành chính đối với một số đối tượng có liên quan.

Sau đó, người dân giải tán dần. Đến khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 03/9/2018, tuyến QL1A đoạn qua địa bàn xã T bắt đầu được lưu thông trở lại. Tại tuyến đường tránh Tây, một số người cũng tập trung cản trở giao thông. Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 03/9/2018, người dân tự tháo dỡ các vật cản trên đường, tuyến QL1A tránh Tây được lưu thông. Lực lượng Công an tiếp tục cưỡng chế, tháo dỡ một số lều, bạt che do người dân dựng lên trái phép thì một số người có hành vi cản trở, nên lực lượng Công an tiếp tục bắt giữ một đối tượng có liên quan, sau đó người dân tại khu vực này cũng giải tán dần.

Quá trình điều tra, ngày 12/11/2018, ngày 19/11/2018, ngày 02/01/2019 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ Quyết định khởi tố gồm: Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Trần Thị N, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Kim H, Trần Thị T về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT - VKS ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị

P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Kim H, Trần Thị T, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị S, Trần Thị N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh Th, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Kim H, Trần Thị T, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị S, Trần Thị N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L từ 04 đến 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2018.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh T, Cao Minh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị N, Phạm Thị L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Trần Thị T), Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Thị Thúy A, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị S, Trần Thị N, Trần Thị T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ (đối với Trần Thị H, Nguyễn Thị Thúy A được trừ thời hạn tạm giữ là 09 ngày, 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ); miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 03 điện thoại di động do Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ thu giữ của Cao Minh T, Huỳnh T, Phạm Thị L nhận thấy các bị cáo chỉ sử dụng cho mục đích cá nhân, quay lại một số đoạn có liên quan trong

việc gây rối, không có mục đích dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho các bị cáo trên.

- Đối với 01 USB màu đỏ hiệu Kingston, bên trong chứa 02 đoạn dữ liệu về vụ gây rối trật tự công cộng, xảy ra đêm ngày 02/9/2018, rạng sáng ngày 03/9/2018 tại T, Đ (do Công an xã T giao nộp); 01 USB chứa 11 đoạn video trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh ách tắc giao thông, từ 0 giờ 00 phút đến 05 giờ 59 phút ngày 03/9/2018 tại tuyến QL 1A thuộc xã Phổ Cường, Đ và 01 USB, chứa dữ liệu là 05 đoạn video ghi lại hình ảnh ách tắc giao thông trên tuyến QL1A thuộc thôn D, xã K trong khoảng thời gian từ 23 giờ 00 phút ngày 02/9/2018 đến 02 giờ 59 phút, ngày 03/9/2018 do người dân giao nộp là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên không tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 loa karaoke di động và 02 micro không dây do các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 quan tài; 07 (bảy) chiếc chiếu cói, 02 viên đá, 02 khung kim loại nhận thấy các vật dụng này không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

* Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L trình bày lời bào chữa:

- Về Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh và hình phạt: Hành vi của các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” và phải chịu tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 BLHS. Do đó Luật sư thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đối với các bị cáo do Luật sư bào chữa.

- Về tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra; các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L phạm tội lần đầu có nhân thân tốt. Trước khi phạm tội chưa vi phạm các chủ trương

chính sách pháp luật của Nhà nước và của địa phương. Bản thân gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn..... Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử các bị cáo hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bà Hồng Thị T trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho bị cáo Trần Thị T trình bày lời bào chữa: Về hành vi phạm tội của bị cáo thống nhất theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo là con của bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Kim H, Trần Thị T, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị S, Trần Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Xuất phát từ việc phản đối chính quyền địa phương trong việc xây dựng nhà máy

xử lý rác thải rắn sinh hoạt MD trên địa bàn thôn L, xã T và lấy lý do cho rằng Nhà máy hoạt động trở lại nên các bị cáo đã cùng với một số người dân tập trung đông người trên đoạn đường QL1A: Đoạn trước Công an xã T; đoạn ngã ba Hậu Cần và đoạn ngã ba Trụ Bô thuộc đường tránh Tây QL1A thuộc thôn L, xã T, sau đó thực hiện các hành vi như: Đem chiếu ra trải trong lòng đường, đem thức ăn, nước uống, khung sắt, loa karaoke di động để trong lòng đường và đứng, ngồi, nằm trong lòng đường QL1A, ca hát, nhảy múa làm ách tắc giao thông nghiêm trọng trong khoảng thời gian từ 23 giờ 30 phút ngày 02/9/2018 đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 03/9/2018. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đều là đồng phạm giản đơn, không tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Song xét vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Bị cáo Trần Thị Kim L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết tham gia cùng các bị cáo khác gây rối trật tự công cộng là vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội Cố ý gây thương tích. Lẽ ra bị cáo phải lo làm ăn, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhưng chỉ nghe một thông tin không chính xác về nhà máy xử lý rác MD hoạt động trở lại mà tham gia cùng các bị cáo khác đem chiếu ra trải trong lòng đường, đem thức ăn, nước uống, loa karaoke di động để trong lòng đường và đứng, ngồi trong lòng đường QL1A, ca hát, nhảy múa làm ách tắc giao thông nghiêm trọng nhiều tiếng đồng hồ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, sự hoạt động bình thường của xã hội mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Nhưng xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra, bị cáo là người lao động nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội. Mặc khác, trong quá trình điều tra bị cáo cũng hợp tác phối hợp giúp cơ quan điều tra khởi tố

thêm một số đối tượng có hành vi tham gia gây rối làm ách tắc giao thông trong đêm ngày 02/9/2018 rạng sáng ngày 03/9/2018. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm

[3.2] Đối với bị cáo Huỳnh T cũng là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết tham gia cùng các bị cáo khác gây rối trật tự công cộng là vi phạm pháp luật. Lẽ ra bị cáo phải lo làm ăn, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhưng chỉ nghe một thông tin không chính xác về nhà máy xử lý rác MD hoạt động trở lại mà tham gia cùng các bị cáo khác ra đường chặn xe gây ách tắc giao thông tại tuyến đường tránh Tây, sau đó xuống đường quốc lộ 1A (đoạn trước công an xã T) tiếp tục tham gia cùng các bị cáo khác ra giữa đường đứng, ngồi chặn xe làm ách tắc giao thông nghiêm trọng nhiều tiếng đồng hồ. Khi lực lượng chức năng đến giải tán đám đông thì bị cáo di chuyển vào ngã ba Hậu cần tiếp tục tham gia và dùng thau nhôm đánh anh Huỳnh Tấn V, cán bộ công an huyện Đức Phổ gây thương tích nhẹ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, sự hoạt động bình thường của xã hội mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân lao động nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt và xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3.3] Đối với bị cáo Cao Minh T cũng là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết tham gia cùng các bị cáo khác gây rối trật tự công cộng là vi phạm pháp luật. Lẽ ra bị cáo phải lo làm ăn, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt cho

gia đình và xã hội, nhưng chỉ nghe một thông tin không chính xác về nhà máy xử lý rác MD hoạt động trở lại mà tham gia cùng các bị cáo khác đem chiếu ra trải trong lòng đường, đem thức ăn, nước uống, loa karaoke di động để trong lòng đường và đứng, ngồi trong lòng đường QL1A ca hát, chặn xe, làm ách tắc giao thông nghiêm trọng nhiều tiếng đồng hồ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, sự hoạt động bình thường của xã hội mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân lao động nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt và xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng có tác dụng rèn đe giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

[3.4] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Phạm Thị L, Nguyễn Thị N cũng là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết tham gia cùng các bị cáo khác gây rối trật tự công cộng là vi phạm pháp luật. Lẽ ra các bị cáo phải lo làm ăn, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhưng chỉ nghe một thông tin không chính xác về nhà máy xử lý rác MD hoạt động trở lại mà tham gia cùng các bị cáo khác đem chiếu ra trải trong lòng đường, đem thức ăn, nước uống, loa karaoke di động để trong lòng đường và đứng, ngồi trong lòng đường QL1A ca hát, nhảy múa chặn xe, làm ách tắc giao thông nghiêm trọng nhiều tiếng đồng hồ. Ngoài ra, bị cáo Phường còn tham gia cùng mọi người khiêng cây đem ra đường tránh Tây ngăn cản chặn xe gây ách tắc giao thông, khi xuống đường quốc lộ 1A cầm micrô nói kêu gọi mọi người cùng hát hò, nhảy múa; bị cáo Nguyễn Thị C còn dùng thùng mì tôm vác trên vai giả làm máy quay phim. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, sự hoạt động bình thường của xã hội mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an

ninh chính trị tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố các bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo là người dân lao động nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử các bị cáo dưới khung hình phạt và xét không cần cách ly các ra khỏi đời sống xã hội cũng có tác dụng rèn dũa, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

[3.5] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị H, Huỳnh Thị B, Trần Thị T, Nguyễn Thị S, Trần Thị N, Nguyễn Thị Kim H cũng là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết tham gia cùng các bị cáo khác gây rối trật tự công cộng là vi phạm pháp luật. Lẽ ra các bị cáo phải lo làm ăn, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhưng chỉ nghe một thông tin không chính xác về nhà máy xử lý rác MD hoạt động trở lại mà tham gia cùng các bị cáo khác đêm chiếu trái ra giữa đường quốc lộ 1A, đứng, ngồi, nằm, ăn hạt dưa, uống nước ngăn cản làm ách tắc giao thông nghiêm trọng nhiều tiếng đồng hồ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, sự hoạt động bình thường của xã hội mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố các bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả về hành vi phạm tội do mình gây ra, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo là người dân lao động nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử các bị cáo dưới khung hình phạt và xét không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng có tác dụng rèn dũa giáo dục,

phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên thu nhập của các bị cáo cũng không ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[3.6] Mặc khác, việc dẫn đến các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có một phần trách nhiệm của các cơ quan chức năng khi thực hiện dự án nhà máy xử lý chất thải rắn và phương án xã hội hóa việc duy trì, chăm sóc cây xanh đô thị và thu gom, vận chuyển rác thải có xảy ra vi phạm như Kết luận số 02/KL-UBND ngày 18/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho tất cả các bị cáo khi quyết định hình phạt cũng đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị Kim L có 01 tình tiết tăng nặng, còn các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Thị T là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Trần Thị Kim L có 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích, còn các bị cáo khác chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị Tòa án cấp nào xét xử về hành vi phạm tội nào.

[7] Đối với các đối tượng Mai Thị T, Võ Văn B, Nguyễn Bá P, Võ Thị Kim T, Trần Thị Mỹ D, Thái Thị Thuần H, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Đ, Huỳnh Thanh V, Võ Thị Lưu V, Võ Văn T, Phạm Tấn K, Mai Thị S, Đặng Thị Thu H, Nguyễn Thị Lệ T, Trần Thị G, Nguyễn Thị N, Lê Tấn V, Lê Anh N, Phạm Thị Huyền T, Phạm Thị T, Trần Thị Đ, Trần Thị Mỹ D, cùng trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyễn Thanh B, trú tại: thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã có hành vi tụ tập đông người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Đến nay thời hạn xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên Công an huyện Đức Phổ không xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên là có căn cứ.

[8] Đối với Phạm Ngọc L: Tại thời điểm xảy ra vụ việc có tham gia tập trung đông người. Tuy nhiên, không có căn cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của ông L nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị X: Tuy bà X có mặt tại hiện trường, nhưng bà X không tham gia tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng nên không có căn cứ để xử lý đối với bà Nguyễn Thị X.

[10] Đối với hành vi của Huỳnh T dùng thau nhôm đánh vào đầu anh Huỳnh Tấn V gây thương tích. Tuy nhiên ông V bị thương tích nhẹ nên đã có đơn yêu cầu không xử lý trách nhiệm hình sự và từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên không xem xét xét .

[11] Đối với đối tượng gây thương tích cho anh Trương T và anh Võ Duy Q. Do anh Trương T và anh Võ Duy Q đã có đơn yêu cầu không xử lý trách nhiệm hình sự và từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên không xem xét xét .

[12] Về xử lý vật chứng:

[12.1] Đối với 03 điện thoại di động do Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ thu giữ của Cao Minh T, Huỳnh T, Phạm Thị L nhận thấy các bị cáo chỉ sử dụng cho mục đích cá nhân, quay lại một số đoạn có liên quan trong việc gây rối, không có mục đích dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho các bị cáo trên.

[12.2] Đối với 01 đồng hồ đeo tay hiệu OMEGA, đã qua sử dụng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (bị đứt), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ đã trả lại cho Huỳnh T, T không yêu cầu gì Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.3] Đối với 01 đồng hồ màu đen, bằng nhựa hiệu CASIO, đã qua sử dụng, 01 khoanh kim loại màu vàng (loại nhẫn), 01 đoạn dây kim loại màu vàng (một đoạn xích tiếp một đoạn thẳng), Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Lê Anh N, anh N không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.4] Đối với 01 USB màu đỏ hiệu Kingston, bên trong chứa 02 đoạn dữ liệu về vụ gây rối trật tự công cộng, xảy ra đêm ngày 02/9/2018, rạng sáng ngày 03/9/2018 tại T, Đ (do Công an xã T giao nộp); 01 USB chứa 11 đoạn video trích xuất từ camera ghi lại hình ảnh ách tắc giao thông, từ 0 giờ 00 phút đến 05 giờ 59 phút ngày 03/9/2018 tại tuyến QL 1A thuộc xã C, Đ và 01 USB, chứa dữ liệu là 05 đoạn video ghi lại hình ảnh ách tắc giao thông trên tuyến QL1A thuộc thôn D, xã K trong khoảng

thời gian từ 23 giờ 00 phút ngày 02/9/2018 đến 02 giờ 59 phút, ngày 03/9/2018 do người dân giao nộp là tài liệu, chứng cứ của vụ án không tịch thu tiêu hủy.

[12.5] Đối với 01 loa karaoke di động và 02 micro không dây do các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[12.6] Đối với 01 quan tài; 07 (bảy) chiếc chiếu cói, 02 khung kim loại, 02 viên đá nhận thấy các vật dụng này không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

* Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L và trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Trần Thị T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim H, Trần Thị T, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị S, Trần Thị N và xử lý vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận. Còn mức hình phạt mà kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo Huỳnh T, Cao Minh T, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Phạm Thị L, Nguyễn Thị N có phần nghiêm khắc. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[14] Về án phí: Các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị S, Trần Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị T thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín) ngày. Được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2018 đến ngày 30/01/2019 là 04 tháng 29 ngày vào thời gian chấp hành án. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Huỳnh T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Cao Minh T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Cao Minh T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

5. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị P 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

6. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

7. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gia thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

8. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy A phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/9/2018 đến ngày 12/9/2018 là 09 ngày vào thời gian chấp hành án (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) là 27 ngày (09 ngày x 3). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

9. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/9/2018 đến ngày 12/9/2018 là 09 ngày vào thời gian chấp hành án (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) là 27 ngày (09 ngày x 3). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 11 (mười một)

tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

10. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

11. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

12. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị B phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

13. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

14. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

15. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn phải chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị T, Nguyễn Thị S, Trần Thị N, Nguyễn Thị Kim H.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen đã qua sử dụng cho Huỳnh Thái.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng cho Phạm Thị Liên.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen đã qua sử dụng cho Cao Minh Thiên.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 loa karaoke di động và 02 micro không dây do các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 quan tài; 07 (bảy) chiếc chiếu cói .
- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 khung kim loại màu xanh có kích thước (2,4 x 2,13)m có đế rộng 48cm.
- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 khung kim loại màu xanh có kích thước (1,8 x 1,75)m có đế rộng 48cm.
- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 viên đá hình đa diện chỗ rộng nhất có kích thước (51 x 26 x10)cm.
- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 viên đá hình đa diện chỗ rộng nhất có kích thước (50 x 24 x 18)cm.

Tài sản tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy và hoàn trả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đức Phổ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Thị Kim L, Nguyễn Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị Thúy A, Trần Thị H, Huỳnh T, Nguyễn Thị N, Cao Minh T, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị B, Nguyễn Thị S, Trần Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị T.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn

- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.